TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 505/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06/6/2018
V/v: "Không công nhận
quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Kim

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thục Hiền

2. Bà Hồ Thị Xuân Lan

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu Trinh - Thư ký Toà án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Kim Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1281/2017/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2017, về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị R, sinh năm: 1975 *(có mặt)*

Trú tại: 596/108B đường G, Phường A, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phan Viết H, sinh năm: 1970 *(có mặt)*

HKTT: C26B , khu phố N, phường B, thành phố C, tỉnh D.

Trú tại: 42A đường P, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị R thể hiện:

- Bà R và ông Nguyễn Viết H sống chung với nhau từ năm 2007, không tổ chức cưới hỏi, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn.

Cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là vợ chồng bất đồng quan điểm, không phù hợp tính tình, cuộc sống không có hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, đã sống ly thân hơn hai năm,

hiện mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình, không còn quan tâm lẫn nhau. Nay bà R thấy không còn tình cảm nên quyết định ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Đức Th, sinh ngày 06/06/2009, hiện bà R đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung; nợ chung: không có.

*Bị đơn ông Phan Viết H trình bày:

Ông thừa nhận đúng lời khai của bà R. Ông và bà R sống chung từ năm 2007, không có tổ chức cưới hỏi. Do không hiểu biết và bà R đã có chồng con khi đến với ông nên cả hai đến nay không có đăng ký kết hôn. Nay ông thấy tình cảm giữa các bên không còn nên ông cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà R.

Quá trình chung sống cả hai có 01 con chung tên Phan Đức Th, sinh ngày 06/06/2009 hiện bà R đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ông cũng yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu trợ cấp.

Về tài sản chung; nợ chung: không có.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 có bà Ngô Thị Kim Sinh phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trần Thị R, bị đơn ông Phan Viết H đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Bà R và ông H chung sống với nhau từ năm 2007, đến nay chưa đăng ký kết hôn. Xét thấy hiện các bên đã sống ly thân, đến nay do mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình cảm với nhau, không muốn tiếp tục chung sống, cả hai đồng ý ly hôn, nên căn cứ theo Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên do bà R và ông H không đăng ký kết hôn, căn cứ theo khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 không công nhận quan hệ giữa ông Phan Viết H và bà Trần Thị R là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Đức Th, sinh ngày 06/06/2009, bà R đang trực tiếp nuôi dưỡng. Cả hai đều yêu cầu được quyền nuôi con chung.

Xét thấy, hiện con chung đang sống với mẹ và cũng theo nguyện vọng con chung. Ngoài ra tránh ảnh hưởng tâm lý, cuộc sống của con chung nên vẫn giao cho bà R tiếp tục nuôi con. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông H do bà R chưa có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: cả hai xác nhận không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] *Về tố tụng*:

Bà Trần Thị R có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 8 không công nhận quan hệ giữa bà và ông Phan Viết H là quan hệ vợ chồng. Đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình, do bị đơn ông Phan Viết H hiện tạm trú tại 42A đường P, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 36, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về yêu cầu của đương sự*:

Tại phiên tòa hôm nay, bà Trần Thị R và ông Phan Viết H đều xác nhận ông bà chung sống với nhau từ năm 2007 nhưng cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ông H và bà R đã vi phạm quy định về đăng ký kết hôn.

Căn cứ vào phiếu xác minh của Ủy ban nhân dân phường B, thành phố C, tỉnh D là nơi cư trú của ông Hồng và Ủy ban nhân dân Phường A, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi cư trú của bà R đều xác định giữa ông H và bà R đến nay không có đăng ký kết hôn.

Như vậy quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà R không được công nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Qua các buổi làm việc tại Tòa, ông H và bà R cũng không muốn thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật để tiếp tục chung sống, xây dựng hạnh phúc gia đình. Mà cả hai xác nhận rằng, trong thời gian sống chung, hai bên đã mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân hơn hai năm, hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 về việc Thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa ông H và bà R là quan hệ vợ chồng.

[2.2] *Về con chung:*

Ông H và bà R xác định có 01 con chung tên Phan Đức Th sinh ngày 06/6/2009, căn cứ vào giấy khai sinh số 231, quyển số 01/2009 ngày 23/6/2009 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông H và bà R tranh chấp quyền nuôi con. Xét thấy, hiện cả hai đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Thấy rằng, điều kiện nuôi con của cả hai đều như nhau, tuy nhiên con chung đã sống ổn định với mẹ và nguyện vọng của con cũng muốn sống với mẹ. Nên để ổn định về tâm lý, cũng như cuộc sống của trẻ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho bà R tiếp tục

nuôi dưỡng con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho ông H đến khi bà R có yêu cầu.

Bên không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên xác định không có.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, bà R phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 36, Điều 39, Điều 227, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 về việc Thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Căn cứ Luật thi hành án năm 2008;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Tuyên bố:

-Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Trần Thị R và ông Phan Viết H là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Ông H, bà R có 01 con chung là Phan Đức Th, sinh ngày 06/6/2009. Giao con chung cho bà Trần Thị R được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông H cho đến khi bà R có yêu cầu.

Bên không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự khai không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Trần Thị R phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba

trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0013883 ngày 19/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà R đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- UBND Phường A, Quận S;
-UBND phường B, thành phố C, tỉnh D;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Kim